

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 186 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 21 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội và một số nội dung đề xuất, kiến nghị

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giờ Ngày 26/4

Kính chuyển. Ông. B.T. N.

để phát triển tỉnh Bến Tre trong thời gian tới

(Phục vụ buổi làm việc với đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị)

Thủ tướng Chính phủ)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Bến Tre là một trong 13 tỉnh, thành phố của vùng đồng bằng sông Cửu Long; phía bắc giáp tỉnh Tiền Giang, phía nam giáp tỉnh Trà Vinh, phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long và phía Đông giáp biển Đông; có tổng diện tích tự nhiên là 237.970,25ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 180.007,53ha; diện tích đất phi nông nghiệp là 56.621,08ha và diện tích đất chưa sử dụng là 1.341,64ha. Bến Tre gồm 9 đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố; 157 xã, phường, thị trấn; 968 ấp, khu phố với dân số khoảng 1.295.705 người; kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, với thế mạnh kinh tế vườn và kinh tế biển.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra phương châm “Dân chủ - Kỷ cương - Đồng thuận - Sáng tạo - Phát triển” để tập trung lãnh đạo nhằm đáp ứng yêu cầu mục tiêu, nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là kinh tế tăng trưởng bình quân từ 8,5-9,5%/năm, nhằm sớm đưa Bến Tre trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long vào năm 2025 và của cả nước vào năm 2030. Để đạt được mục tiêu này, tỉnh đã xây dựng và triển khai 18 văn bản cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh (gồm: 06 nghị quyết, 02 chỉ thị, 06 đề án và 04 chương trình) trên các lĩnh vực: Xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM

Tỉnh Bến Tre triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp trong điều kiện đối mặt nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt là ảnh hưởng xâm nhập mặn và tác động tiêu cực của dịch Covid-19. Trong bối cảnh đó, quán triệt sâu sắc tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ban, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập

trung lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện vừa quyết liệt phòng chống dịch bệnh, vừa triển khai các giải pháp phục hồi, phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội theo phương châm "*thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch bệnh hiệu quả*".

1. Về công tác quán triệt, thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

UBND tỉnh luôn quan tâm triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, cơ bản đảm bảo thời gian theo quy định. Mặc dù tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, tuy nhiên tỉnh đã tập trung, dồn sức thực hiện và hoàn thành các Kế hoạch, Chương trình theo quy định cũng như các vấn đề phát sinh để cụ thể hóa các công việc, nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, làm cơ sở triển khai đồng bộ, thống nhất trên địa bàn.

Việc tiếp nhận và kịp thời cụ thể hóa các văn bản, ý kiến chỉ đạo, định hướng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giúp tỉnh Bến Tre từng bước phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Tính từ năm 2014 đến Quý I năm 2022, tổng số nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương là 742 nhiệm vụ, trong đó: 730 nhiệm vụ đã hoàn thành (trong đó có 36 nhiệm vụ hoàn thành quá hạn), 12 nhiệm vụ chưa hoàn thành, đã và đang triển khai thực hiện gồm: 01 nhiệm vụ có thời hạn đến ngày 30/6/2022 và 11 nhiệm vụ không giao thời hạn. Đặc biệt, trong năm 2020 và 2021, tất cả các nhiệm vụ được giao cho tỉnh Bến Tre đều hoàn thành đúng thời hạn.

2. Về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19:

Trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19, Bộ Y tế, cả hệ thống chính trị tỉnh Bến Tre đã vào cuộc cùng Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, biện pháp thiết thực phòng, chống, đẩy lùi, kiểm soát dịch bệnh Covid-19. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh và cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19 quyết liệt, kịp thời, linh hoạt, phù hợp, hiệu quả trong từng giai đoạn, diễn biến của dịch bệnh; phát huy vai trò "chiến sĩ" của mỗi người dân, "pháo đài" của từng xã/phường/thị trấn; vai trò của cán bộ các cấp được phân công theo dõi, hỗ trợ địa bàn theo phương châm "tỉnh nắm xã, huyện nắm ấp, khu phố, xã nắm hộ gia đình"...; huy động mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh để tập trung thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm an sinh xã hội.

Tính đến ngày 16/4/2022, tỷ lệ tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 của tỉnh đạt trên 95% cho từng độ tuổi. Trong đó, số người từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 1 đạt 99,9%; tiêm mũi 2 đạt 99,5%; tiêm mũi 3 đạt 83,4%. Trẻ em từ 12-17 tuổi tiêm mũi 1 đạt 100%, tiêm mũi 2 đạt 99,8%. Trong chiến lược tiêm vắc xin, tỉnh ưu tiên cho lực lượng tuyến đầu, các công nhân trong khu, cụm công nghiệp và các doanh nghiệp để sớm phục hồi sản xuất kinh doanh, tạo nguồn lực để tái sản xuất và duy trì việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động. Hiện tỉnh đang tập trung triển khai kế hoạch tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho trẻ em từ 5 đến 12 tuổi trên địa bàn tỉnh.

Trong điều kiện ngân sách của Bến Tre còn nhiều khó khăn, nhưng tỉnh đã ưu tiên dành nguồn lực chi cho công tác phòng, chống dịch khoảng 720 tỷ đồng; đồng thời, huy động nhiều nguồn lực vừa hỗ trợ, vừa tạo việc làm cho người lao động, nhất là lao động di chuyển về địa phương trong thời gian vừa qua để người dân an tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo thống nhất, nhất quán từ Trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, tỉnh vẫn còn khó khăn về cơ sở vật chất; trang thiết bị phục vụ phòng, chống và điều trị cho người nhiễm Covid-19 còn thiếu, nhất là trang thiết bị để điều trị cho các ca nặng.

3. Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

Trong điều kiện còn có nhiều khó chung, nhất là sự sụt giảm tăng trưởng trong quý III/2021 ở tất cả 3 khu vực kinh tế và đà tăng trưởng chậm trong quý IV/2021 do tác động của dịch bệnh Covid-19; với sự kiên định, nhất quán trong triển khai thực hiện nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận, quyết tâm, sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân tỉnh nhà, kinh tế - xã hội năm 2021 của tỉnh đạt được một số kết quả nhất định. Cụ thể, có 10/21 chỉ tiêu cơ bản đạt và vượt Nghị quyết của Tỉnh ủy¹. Trong đó, **tăng trưởng kinh tế tỉnh đạt 0,53% và đứng thứ 7 khu vực đồng bằng sông Cửu Long**; thu NSNN đạt trên 5.707,8 tỷ đồng, vượt 16,6% dự toán Trung ương giao, tăng 1,39% so năm 2020; giải ngân vốn đầu tư công đạt 88,91%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 84,9%; tiến độ thực hiện các công trình dự án, trọng điểm được tập trung; phát triển 2.000 ha nuôi tôm nước lợ ứng dụng công nghệ cao; Nhà máy Điện gió V1-3 Bến Tre được khánh thành và hoàn thành một số dự án điện gió khác, hiện thực hóa chủ trương phát triển năng lượng sạch và kinh tế hướng

⁽¹⁾(1) Tỷ lệ lao động qua đào tạo; (2) Tỷ lệ người dân tham gia BHYT; (3) Số giường bệnh/vạn dân, Số bác sĩ/vạn dân; (4) Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch; (5) Tỷ lệ đô thị hóa; (6) Kéo giảm tội phạm và vi phạm pháp luật, kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí, tỷ lệ điều tra, khám phá án; (7) Đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP; (8) Xây dựng xã đạt chuẩn xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao; (9) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu nội địa); (10) Tuyển quân.

Đông của tỉnh.

Trong quý I/2022, kinh tế của tỉnh đang từng bước phục hồi với nhiều tín hiệu khởi sắc, **tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 1,64%**; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tăng 5,2%, kim ngạch xuất khẩu tăng 11,91%, giải ngân vốn đầu tư công đạt 24,55% kế hoạch (tăng 5,61% so cùng kỳ); các doanh nghiệp du lịch, vận tải,... đang từng bước khôi phục hoạt động trong tình hình mới. Hiện nay, mặc dù dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh vẫn còn phát sinh nhiều ca nhiễm mới, nhưng cơ bản được kiểm soát tốt; trên 97,9% doanh nghiệp đã dần ổn định sản xuất; hoạt động trong các khu/cụm công nghiệp được duy trì với các giải pháp phòng, chống dịch bệnh được thực hiện nghiêm túc, với phương châm "Sản xuất phải an toàn, an toàn để sản xuất".

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nhất là 11 công trình, dự án trọng điểm² theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và các công trình, dự án trọng điểm. Công trình cầu Rạch Miễu 2 đã được khởi công xây dựng vào ngày 29/3/2022 vừa qua; dự án Đường gom đường vào cầu Rạch Miễu 2 được triển khai song hành, để cùng đồng bộ, phát huy hiệu quả đầu tư của dự án. Nhiều công trình đã triển khai và đạt tiến độ tốt như: Các dự án thuộc hệ thống thủy lợi, cấp nước³; phát triển 2.000/4.000 ha nuôi tôm nước lợ ứng dụng công nghệ cao; triển khai các dự án điện gió; chuẩn bị các điều kiện triển khai dự án điện khí; triển khai Đề án thành lập Trường Đại học tại Bến Tre thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Đề án xây dựng Trung tâm cây giống, hoa kiểng Chợ Lách(4), ...

Các hoạt động đối ngoại và thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại được triển khai với nhiều giải pháp linh động, hiệu quả; UBND tỉnh đã ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác giữa tỉnh và Đại sứ quán Việt Nam tại Bỉ và Luých-xăm-bua, Phái đoàn Việt Nam tại liên minh Châu Âu; ký kết Bản ghi nhớ hợp tác chiến lược với 10 tập đoàn, doanh nghiệp⁵ có quyết tâm gắn bó, đầu tư lâu dài tại tỉnh Bến Tre, ...

⁽²⁾Gồm: (1) Xây dựng hoàn thành cầu Rạch Miễu 2; (2) Hoàn thành cơ bản hệ thống thủy lợi, cấp nước chính trên địa bàn tỉnh; (3) Triển khai ít nhất 500ha các dự án đô thị thành phố Bến Tre và các huyện; (4) Phát triển 4.000 ha nuôi tôm biển công nghệ cao; (5) Triển khai các dự án điện gió, có ít nhất 1500MW đưa vào khai thác; chuẩn bị các điều kiện triển khai dự án điện khí; (6) Xây dựng tuyến động lực ven biển (giai đoạn 1); (7) Phát triển mới 5.000 DN, xây dựng 100 DN dẫn đầu; (8) Thành lập Đại học Bến Tre thuộc Đại học quốc gia TP.HCM; (9) Xây dựng làng văn hóa du lịch Chợ Lách; (10) Xây dựng Trung tâm cây giống, hoa kiểng Chợ Lách; (11) Hoàn thành lấp đầy KCN Phú Thuận và mỗi huyện 01 CCN ít nhất 70ha, riêng huyện Chợ Lách có diện tích phù hợp.

(3) Tiếp tục triển khai các dự án thuộc Hệ thống thủy lợi Nam, Bắc Bến Tre; hoàn thiện dự án hệ thống công kiểm soát mặn; dự án cấp nước sinh hoạt cho dân cư Cù Lao Minh; các dự án kè bờ sông, bờ biển. Khởi công mới dự án Hồ chứa nước ngọt Lạc Địa; Hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre (giai đoạn 2).

(4) Dự án hạ tầng thiết yếu hỗ trợ phát triển vùng cây ăn trái hoa kiểng khu vực MCB và huyện Chợ Lách,...

(5) (1) Công ty CP Bamboo Capital; (2) Tập đoàn FPT; (3) Công ty CP tập đoàn Sovico; (4) Công ty CP đầu tư xây dựng Trung Nam; (5) Công ty CP thương mại đầu tư phát triển Do Holdings; (6) Công ty CP tập đoàn đầu tư

4. Công tác an sinh, xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn được quan tâm thực hiện tốt, nhất là việc chi hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Đến ngày 15/4/2022, toàn tỉnh đã rà soát, lập danh sách, chi hỗ trợ cho 268.049 trường hợp người sử dụng lao động, người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ với số tiền trên 556,78 tỷ đồng.

Các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động trong các doanh nghiệp thực hiện khá tốt. Các chế độ, chính sách ưu đãi cho người có công và đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; đặc biệt, việc thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng trong các dịp Lễ, Tết được quan tâm thực hiện⁶, nhất là gia đình có người thân mất do dịch bệnh Covid-19,... đảm bảo mọi nhà, mọi người đều được vui xuân, đón Tết.

5. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực lãng phí và đảm bảo quốc phòng – an ninh

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được tập trung lãnh đạo thực hiện. Các cấp ủy, chính quyền, các đơn vị, địa phương thực hiện tốt các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, nhất là quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; duy trì thực hiện nghiêm Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; quan tâm thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính; nâng cao chất lượng công tác thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, vụ việc tham nhũng; tập trung thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững, ổn định. Các lực lượng công an, quân sự, biên phòng chủ động phối hợp, tham mưu nắm tình hình toàn diện trên các lĩnh vực, thực hiện nghiêm túc chế độ sẵn sàng chiến đấu; triển khai đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; bảo đảm an

địa ốc No Va; (7) Công ty CP Việt Oil; (8) Tổng Công ty Xây dựng số 1; (9) Công ty CP đầu tư địa ốc Đại Quang Minh; (10) Liên Hiệp Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai.

⁽⁶⁾ Năm 2021, toàn tỉnh đã vận động trên 720 tỷ đồng để thực hiện công tác an sinh xã hội, qua đó đã xây dựng mới 1.557 căn và sửa chữa 14 căn nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, 234 nhà tình nghĩa, 616 cây cầu giao thông nông thôn, 2.000 bồn chứa nước cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, trao 24.849 suất học bổng, 11.760 học phần, 69 xe đạp, 110.207 quyển tập; khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho 38.850 lượt người có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ 398.834 phần quà an sinh xã hội, 415.141 suất ăn, 654 tấn gạo và một số nhu yếu phẩm. Nhân dịp tết Nguyên đán, đã vận động trao 77.126 phần quà Tết cho 34.447 hộ.

toàn tuyệt đối cho các đoàn công tác của lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm, làm việc tại địa phương, dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và những sự kiện quan trọng khác; năm 2022 giao quân về trên đạt 100% chỉ tiêu⁷.

Tuy nhiên, nhìn chung, tình nhà vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức của tình hình biến đổi khí hậu, dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường; tình hình sản xuất kinh doanh, thị trường tiêu thụ của các doanh nghiệp chưa phục hồi hoàn toàn; năng lực cạnh tranh của một số doanh nghiệp còn hạn chế; thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định; nguồn lực huy động đầu tư của tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu;...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT VÙNG/TIỂU VÙNG

Là thành viên Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL, thời gian qua tỉnh Bến Tre tích cực và chủ động tham gia các hoạt động liên kết vùng, nhằm góp phần cùng với các địa phương phát triển vùng ĐBSCL trở thành khu vực năng động và thịnh vượng. Trên cơ sở các văn bản của Trung ương định hướng cho sự phát triển vùng ĐBSCL⁸, tỉnh Bến Tre đã đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh để tổ chức thực hiện. Đặc biệt, vừa qua Quy hoạch vùng ĐBSCL đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đây là cơ sở để các tỉnh trong vùng nói chung, tỉnh Bến Tre nói riêng hoàn chỉnh quy hoạch của tỉnh, đảm bảo tính khả thi và phát huy được tiềm năng, thế mạnh của các địa phương trong vùng.

Ngày 22/02/2018 Tỉnh ủy 04 tỉnh: Bến Tre - Tiền Giang - Vĩnh Long - Trà Vinh đã ký Biên bản ghi nhớ số 166-BB/TUBT-TUTG-TUVL-TUTV về xây dựng và triển khai thực hiện Đề án Liên kết phát triển toàn diện Tiểu vùng duyên hải phía Đông đồng bằng Sông Cửu Long⁹. Trên cơ sở đó, tỉnh Bến Tre

⁽⁷⁾ Bến Tre được Trung ương giao tuyển chọn và gọi 1.300 công dân nhập ngũ, giao quân đạt 100% chỉ tiêu.

⁽⁸⁾ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 20/10/2003 của Bộ Chính trị khóa IX (Nghị quyết 21) về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL thời kỳ 2001-2010; Kết luận số 28-KL/TW, ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng ĐBSCL thời kỳ 2011-2020; Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH; Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 về Quy chế thi điểm Liên kết phát triển KT-XH vùng ĐBSCL giai đoạn 2016-2020;...

⁽⁹⁾ Hợp tác trên 08 lĩnh vực: (1) Liên kết về tổ chức thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, liên kết đầu tư phát triển nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá, xây dựng phát triển chuỗi giá trị sản phẩm và thương hiệu nông sản (trái cây, thủy sản, dừa,...); (2) Liên kết về phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông thủy - bộ, logistics, thủy lợi; (3) Liên kết về quy hoạch vùng sản xuất, nhất là các sản phẩm chủ lực, thế mạnh của các địa phương; (4) Liên kết về bảo vệ, quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên cát, tài nguyên nước (nước ngọt phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp); (5) Liên kết trong xúc tiến mời gọi hợp tác đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, chú trọng công nghiệp chế biến rau quả; xúc tiến thương mại, du lịch; (6) Liên kết đề kiến nghị chính sách phát triển bền vững Tiểu vùng với Chính phủ; xây dựng hệ thống thông tin phát triển của tiểu vùng (cơ chế chính sách, thị trường,...); (7) Liên kết để xây dựng các chương trình, dự án chung của Tiểu vùng liên quan đến ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo vệ nguồn nước,... đặt trong tổng thể cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long để thu hút các nguồn tài trợ quốc tế và các nguồn vốn khác; (8) Liên kết phát triển nguồn nhân lực.

đã tăng cường phối hợp với các tỉnh Tiền Giang - Vĩnh Long - Trà Vinh để triển khai các hoạt động đã ký kết, nhằm chia sẻ, phát huy lợi thế và khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của mỗi địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững¹⁰. Song song đó, tỉnh Bến Tre cũng tiếp tục tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương khác trong khu vực như liên kết 04 tỉnh ABCD Mekong (An Giang - Bến Tre - Cần Thơ - Đồng Tháp); hợp tác với TP Cần Thơ, TP Hồ Chí Minh;... Qua đó, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm, mang lại nhiều kết quả trong sản xuất kinh doanh và góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động liên kết thời gian qua còn tồn tại nhiều khó khăn và bất cập, việc triển khai các hoạt động liên kết còn chậm và chưa mang lại hiệu quả như mong đợi; phần lớn các mối liên kết chưa thật sự đi vào chiều sâu; nguồn lực đầu tư rất hạn chế, thiếu nền tảng thu hút đầu tư tư nhân. Mặt khác, hạ tầng giao thông kết nối vùng ĐBSCL chưa được đầu tư đồng bộ, nên chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế vốn có của vùng và yêu cầu phát triển; một số tuyến giao thông trọng điểm thường xảy ra ùn tắc do quá tải, việc lưu thông vận chuyển hàng hóa và hành khách chưa được thông suốt dẫn đến việc thực hiện các hoạt động liên kết để phát huy sức mạnh toàn vùng, tiểu vùng còn gặp nhiều khó khăn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐẾN CUỐI NĂM 2022

Trong năm 2022, tỉnh Bến Tre xác định phải nỗ lực phấn đấu, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP, 02/NQ-CP của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tỉnh; đồng thời, phấn đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh¹¹; thực hiện tốt kế hoạch thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh Covid-19 và tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đột phá để khẩn trương phục hồi, phát

⁽¹⁰⁾ Năm 2019: Tổ chức các hội thảo chuyên đề, xây dựng và xúc tiến du lịch chung giữa các tỉnh, xây dựng, định hình bộ máy và quy chế tổ chức thực hiện công tác liên kết; đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất Dự án xây dựng vùng sản xuất dựa theo hướng an toàn, chất lượng cao ở Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh. Năm 2020: Các tỉnh phối hợp với đơn vị tư vấn (Trường Đại học Quốc gia TP.HCM) triển khai nghiên cứu Đề tài “Xây dựng chuỗi du lịch cho tiểu vùng phía Đông ĐBSCL”. Năm 2021: Các hoạt động liên kết, hợp tác bị đình trệ do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ở TP.HCM và Khu vực ĐBSCL. Hiện tỉnh Vĩnh Long đang chuẩn bị để bàn giao vai trò Trưởng ban điều hành về cho tỉnh Tiền Giang.

⁽¹¹⁾ Trong đó: Tăng trưởng kinh tế từ 8 - 8,5%, GRDP bình quân đầu người 49,5 triệu đồng/người, kim ngạch xuất khẩu 1.500 triệu USD, thu ngân sách nhà nước đạt 5.625 tỷ đồng, giải ngân vốn đầu tư công đạt 100%, thành lập mới 800 doanh nghiệp, thành lập 15 HTX, 05 HTX kiểu mới và 03 HTX điểm,...

triển kinh tế - xã hội, với một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực, hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; lan tỏa mạnh mẽ, sâu rộng, thực chất phong trào thi đua “Đồng Khởi mới”. Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp ngang tầm nhiệm vụ; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, phát triển cán bộ.

2. Thực hiện tốt các văn bản cụ thể hóa Nghị quyết, Kế hoạch, Chương trình hành động của Trung ương và địa phương đã ban hành; nhất là các nội dung liên quan đến phục hồi, phát triển kinh tế, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sau đại dịch để đạt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và đẩy nhanh tiến độ triển khai 11 công trình, dự án trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh.

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính thực chất, rút ngắn thời gian giải quyết công việc; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, cải thiện các chỉ số đánh giá gắn với nâng cao mức độ hài lòng trong cung cấp các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp. Hiện thực hóa các nội dung ký kết đầu tư giữa tỉnh và các doanh nghiệp chiến lược.

4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách Nhà nước, huy động tổng hợp các nguồn lực cho đầu tư phát triển; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành nỗ lực thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đạt từ 8-8,5% trở lên. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khu vực và thế giới để mở rộng thị trường, gia tăng tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và xuất khẩu.

5. Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả chuyển đổi số; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh, trong cuộc sống của người dân và trong quản lý vận hành xã hội. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống tác động tiêu cực của thiên tai, hạn mặn;

6. Duy trì, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm; thực hiện tốt chính sách đối với người có công; làm tốt công tác giảm nghèo; bảo đảm chính sách an sinh xã hội. Tổ chức thành công chuỗi các hoạt động vinh danh và kỷ niệm 200 năm ngày sinh Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu.

7. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh với

phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện các giải pháp đi đến chấm dứt tình trạng khai thác vi phạm vùng biển nước ngoài. Kiểm tra nội bộ, giám sát chặt chẽ, không để xảy ra các vụ, việc tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ.

8. Hoàn thành Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

9. Phối hợp triển khai nhiều hơn các hoạt động liên kết vùng, tiểu vùng; tổ chức tốt Hội nghị sơ kết hợp tác giai đoạn 2018 - 2021 và ký hợp tác giai đoạn mới với Thành phố Hồ Chí Minh.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Thời gian vừa qua, tại các buổi làm việc giữa đồng chí Vương Đình Huệ, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội với lãnh đạo tỉnh Bến Tre¹²; tỉnh Bến Tre đã có những đề xuất, kiến nghị cụ thể để Trung ương xem xét, hỗ trợ. Các kiến nghị của tỉnh Bến Tre được đồng chí Chủ tịch Quốc hội kết luận *“là cần thiết, chính đáng, thiết thực nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XT, nhiệm kỳ 2020-2025 và đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan xem xét, giải quyết kịp thời, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật, trên tinh thần hỗ trợ tối đa, góp phần tạo sự chuyển biến tích cực về phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Bến Tre và đất nước nói chung trong thời gian tới. Trường hợp vượt thẩm quyền, đề nghị báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”*¹³.

Trong khuôn khổ Báo cáo này, **tỉnh Bến Tre xin báo cáo và trình bày lại một số nội dung và kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương xem xét, cho chủ trương, hỗ trợ giải quyết, cụ thể như sau:**

1. Về liên kết vùng

(i) Với quyết tâm cao nhất trong toàn Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân tỉnh nhà, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra mục tiêu phấn đấu đưa Bến Tre trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực đồng bằng sông Cửu Long vào năm 2025 và của cả nước vào năm 2030. Tỉnh Bến Tre cũng đã chọn tư vấn nước ngoài để xây dựng Tầm nhìn chiến lược phát triển tỉnh Bến Tre đến năm 2030 và năm 2045. Để hiện thực hóa mục tiêu nêu trên, bên cạnh việc phát huy nguồn lực nội tại của địa phương, Bến Tre rất mong nhận được sự quan tâm,

¹² Vào ngày 21 và 22/01/2022 tại tỉnh Bến Tre và vào ngày 01/4/2022 tại Hà Nội

¹³ Tại Thông báo số 715/TB-TTKQH ngày 14/02/2022 của Tổng Thư ký Quốc hội kết luận của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ tại chuyến thăm, làm việc với tỉnh Bến Tre và Thông báo số 878/TB-TTKQH ngày 15/4/2022 về Kết luận của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ tại cuộc làm việc với tỉnh Bến Tre.

ủng hộ, giúp sức của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương trong việc định hướng phát triển, cũng như hỗ trợ nguồn lực để Bến Tre phát triển theo mục tiêu đã đề ra. Trong giai đoạn 2020-2025, Bến Tre sẽ triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trọng tâm, đột phá; đặc biệt là phát triển Bến Tre về hướng Đông để mở ra không gian phát triển trên thực địa về hướng biển, gắn với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hiện nay, tỉnh Bến Tre và các địa phương trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long đang lập đề xuất đầu tư dự án xây dựng tuyến đường ven biển⁽¹⁴⁾. Khi tuyến đường này hình thành sẽ góp phần tích cực cho việc thúc đẩy liên kết vùng, mở ra không gian phát triển của tỉnh Bến Tre nói riêng và toàn vùng nói chung; tạo ra động lực phát triển mới cho các tỉnh duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long. Xuất phát từ tiềm năng, thế mạnh của khu vực, tình hình thực tế nêu trên và để thiết thực cụ thể hóa thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ⁽¹⁵⁾, ***tỉnh Bến Tre kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho chủ trương nghiên cứu đầu tư để tỉnh Bến Tre trở thành Trung tâm Nuôi tôm công nghệ cao; Trung tâm Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch của tiểu vùng duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long.***

(ii) Với lợi thế bờ biển dài hơn 65 km, trong thời gian qua, Bến Tre đã tập trung khai thác, phát huy hiệu quả kinh tế khu vực biển, đóng góp lớn vào tăng trưởng chung của cả tỉnh, nhất là trên lĩnh vực thủy sản, du lịch. Hiện nay tỉnh đang định hướng phát triển Khu Kinh tế biển thuộc phạm vi 03 huyện ven biển (Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú, gồm khu vực biển và các cồn, bãi bồi ven biển). Trong đó, sẽ nghiên cứu một phần diện tích lấn biển nhằm bảo vệ xói lở bờ biển, xây dựng các khu dân cư, đô thị và Khu công nghiệp để phát triển công nghiệp chế biến chế tạo, năng lượng,... tạo hành lang phát triển kinh tế không chỉ cho tỉnh Bến Tre mà cả khu vực.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bến Tre đã được quy hoạch tuyến đường ven biển dài 53 km; quy hoạch 03 cảng biển, trong đó có 01 cảng nước sâu⁽¹⁶⁾. Đồng

⁽¹⁴⁾ Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1454/QĐ-TTg, ngày 01/9/2021 phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, có tuyến đường bộ ven biển của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (đoạn đi qua địa bàn tỉnh Bến Tre dài 53km).

⁽¹⁵⁾ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁽¹⁶⁾ Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1579/QĐ-TTg, ngày 22/9/2021 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, cảng biển Bến

thời, tỉnh từng bước hoàn thiện hạ tầng và phát triển công nghiệp của Khu Kinh tế biển. Tỉnh đã quy hoạch các khu công nghiệp theo hướng di dời về các huyện vùng biển gắn với việc phát triển Khu kinh tế ven biển; đang triển khai thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Phú Thuận, huyện Bình Đại, với tổng diện tích: 232ha; đang xúc tiến quy trình thực hiện Dự án đầu tư hạ tầng KCN An Nhơn, huyện Thạnh Phú với quy mô khoảng 230ha và mời gọi đầu tư các dự án Khu công nghiệp còn lại theo quy hoạch;... Những nội dung trên, tỉnh sẽ tích hợp và quy hoạch chi tiết, cụ thể trong Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương cho phép tỉnh Bến Tre được triển khai thí điểm Dự án lấn biển tại một số khu vực bờ biển của tỉnh (để thu hút, mời gọi đầu tư các dự án đô thị, du lịch, khu công nghiệp để phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng,...), nhằm vừa khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế biển, vừa phòng chống sạt lở, tạo quỹ đất và không gian phát triển mới cho địa phương.

(iii) Về địa giới hành chính giữa tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang:

Hiện nay, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về triển khai thực hiện cơ chế vốn và thủ tục đầu tư cho các dự án trong khoản hỗ trợ DPO để xây dựng Tuyến đường bộ ven biển kết nối các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Tỉnh Bến Tre đã đề xuất danh mục dự án Xây dựng tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Bến Tre với Tiền Giang và Trà Vinh (*gồm có 06 hạng mục dự án thành phần*).

Trong các hạng mục thành phần của Dự án này, thì vị trí xây dựng cầu Bình Thới 2 đã và đang xảy ra bất cập về việc phân định địa giới hành chính giữa tỉnh Bến Tre với tỉnh Tiền Giang tại khu vực cồn Thới Trung. Đối với nội dung này, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã có công văn số 1247/UBND-TH ngày 18/3/2020 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị phối hợp tổ chức Hội nghị hiệp thương cấp tỉnh để thống nhất đường địa giới hành chính tại khu vực cồn Thới Trung. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã có Báo cáo đề nghị Bộ Nội vụ và Bộ Tài nguyên và Môi trường¹⁷ xem xét, phân định lại đường địa giới hành chính tại khu vực Cồn Thới Trung. Ngày 30/3/2022, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 1218/BNV-CQĐP về việc giải quyết vướng mắc địa giới hành chính giữa tỉnh Bến Tre với các tỉnh: Vĩnh Long, Tiền Giang. Tỉnh Bến Tre đã chỉ đạo nhanh chóng triển khai thực hiện các nội dung yêu cầu của Bộ, nhưng ở

Tre có 04 khu bến, gồm: Khu bến Giao Long; Khu bến Hàm Luông; Khu bến Thạnh Phú; Khu bến Bình Đại và các bến vệ tỉnh.

⁽¹⁷⁾ Theo đề nghị tại Báo cáo số 279/BC-UBND ngày 14/7/2020; số 125/BC-UBND ngày 17/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

cấp độ địa phương vẫn chưa thống nhất giải quyết được phương án phân định ranh giới.

Do vướng mắc về địa giới hành chính tại khu vực Cồn Thới Trung giữa tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang vẫn chưa được giải quyết, đã ảnh hưởng đến việc thực hiện các thủ tục pháp lý để đầu tư xây dựng cầu Bình Thới 2 theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng¹⁸. Mặt khác, dự án xây dựng cầu Bình Thới 2 đã được Trung ương phân bổ vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án có tính chất liên vùng là 1.500 tỷ đồng. Do đó, việc chậm giải quyết vướng mắc về đường địa giới hành chính tại khu vực cồn Thới Trung giữa tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang sẽ ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Nhằm sớm giải quyết vấn đề nêu trên, tỉnh Bến Tre ***kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành có liên quan sớm hỗ trợ, phối hợp giải quyết các vấn đề về phân định địa giới hành chính giữa tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang tại khu vực cồn Thới Trung, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện dự án cầu Bình Thới 2 và Tuyến đường bộ ven biển kết nối các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long.***

2. Về hỗ trợ, bổ sung nguồn vốn đầu tư các dự án hạ tầng có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(i) ***Dự án Đường gom đường vào cầu Rạch Miễu 2: Dự án cầu Rạch Miễu 2 (nối hai tỉnh Tiền Giang - Bến Tre) đã được khởi công vào 29/3/2022. Tỉnh Bến Tre xác định việc đầu tư xây dựng tuyến đường gom đường vào cầu Rạch Miễu 2 để đảm bảo kết nối thuận lợi cho dân cư hai bên tuyến đường dẫn vào cầu và đồng bộ với các quy hoạch khu đô thị trong khu vực, góp phần thay đổi diện mạo đô thị, phát triển kinh tế của cả khu vực là thật sự cần thiết. Vì vậy, tỉnh Bến Tre đã hoàn tất hồ sơ, thủ tục dự án với tổng mức đầu tư là 1.158 tỷ đồng và đã sắp xếp thứ tự ưu tiên vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, phân bổ ngân sách tỉnh là 200 tỷ đồng. Do nguồn vốn đầu tư công của tỉnh còn hạn chế, nên chưa cân đối được cho toàn bộ dự án, vì vậy kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận trình Quốc hội phân bổ nguồn vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 958 tỷ đồng, để đầu tư hoàn thành toàn bộ dự án này¹⁹.***

⁽¹⁸⁾ Cụ thể các vấn đề về thẩm quyền như: cấp/cơ quan quyết định đầu tư; cấp/cơ quan thẩm định dự án/thiết kế; cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; khung chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng; báo cáo đánh giá tác động môi trường,...

⁽¹⁹⁾ Tờ trình số 1975/TTr-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Bến Tre.

(ii) Dự án đầu tư xây dựng đường Bắc Nam phục vụ Khu công nghiệp Phú Thuận, Cụm công nghiệp Phong Năm và kết nối hạ tầng vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp (ĐT.DK.08), liên huyện Bình Đại - Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và xây dựng cầu Ba Lai trên tuyến ĐT.DK.08: Tuyến Đường tỉnh DK.08 (ĐT.DK.08) liên huyện Bình Đại - Giồng Trôm và Cầu Ba Lai trên tuyến ĐT.DK.08, với tổng mức đầu tư khoảng 1.970 tỷ đồng (trong đó: Phần đường là 1.470 tỷ đồng, phần cầu Ba Lai là 500 tỷ đồng) được quy hoạch và đầu tư xây dựng để tạo trục giao thông kết nối giữa Cảng Giao Long - Khu Công nghiệp Phú Thuận - Cụm Công nghiệp Phong Năm và đặc biệt kết nối liên thông vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và phát triển nông nghiệp. Dự án này đã được ghi vào danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và phân bổ nguồn vốn Trung ương là 250 tỷ đồng. Nhưng do nguồn vốn đầu tư công còn hạn chế, nên chưa cân đối để phân bổ đủ vốn đầu tư cho các hạng mục công trình này. Do đó, để đảm bảo kết nối đồng bộ giao thông liên huyện Bình Đại - Giồng Trôm được thông suốt, phát huy hiệu quả đầu tư, ***tỉnh Bến Tre kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận trình Quốc hội phân bổ nguồn vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 1.720 tỷ đồng. Trong đó: Phần đường là 1.220 tỷ đồng, phần cầu Ba Lai là 500 tỷ đồng, để đầu tư hoàn thành toàn bộ dự án này***²⁰.

3. Hỗ trợ nguồn vốn đầu tư các dự án hạ tầng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(i) Dự án đầu tư Nâng cấp, thảm bê tông nhựa mặt đường ĐH.173, tỉnh Bến Tre: Tuyến ĐH.173 liên huyện Châu Thành - Giồng Trôm - Ba Tri và thành phố Bến Tre: Đây là tuyến đường đã được đầu tư xây dựng mới, có tổng chiều dài 43,6 km; đã hoàn thành, thông xe và đưa vào khai thác từ đầu năm 2021. Tuy nhiên, khi đầu tư tuyến ĐH.173 hiện hữu, do nguồn kinh phí còn hạn hẹp và tuyến đường qua đồng ruộng, ao, vườn,... nên chỉ đầu tư với kết cấu mặt đường cấp cao A2 (láng nhựa), chưa đồng bộ với các cầu trên tuyến, nên đã phần nào hạn chế khả năng khai thác, trong khi lưu lượng giao thông trên tuyến tăng nhanh liên tục. Trong thời gian tới, khi cầu Rạch Miễu 2 xây dựng xong và đưa vào khai thác, thì lưu lượng qua tuyến đường ĐH.173 này sẽ tăng lên gấp nhiều lần hiện nay. Trước tình trạng thực tế, nhu cầu bức xúc nêu trên, ***tỉnh Bến Tre kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ, phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương là 250 tỷ đồng để đầu tư dự án Nâng cấp thảm bê tông nhựa***

⁽²⁰⁾ Tờ trình số 2162/TTr-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh Bến Tre.

ĐH.173, tỉnh Bến Tre⁽²¹⁾.

(ii) Về dự án đầu tư xây dựng cầu Đình Khao, kết nối tỉnh Bến Tre với Vĩnh Long: QL.57 là trục đường giao thông quan trọng nối liền hai tỉnh Bến Tre - Vĩnh Long và một số tỉnh của khu vực Tây Nam bộ với thành phố Hồ Chí Minh và cả nước. Trên tuyến QL.57, bến phà Đình Khao vượt sông Cổ Chiên là công trình duy nhất kết nối giữa hai tỉnh Bến Tre - Vĩnh Long. Do đó, việc đầu tư xây dựng cầu Đình Khao thay thế bến phà là nhu cầu hết sức bức thiết và cấp bách của hai địa phương. Vấn đề này, Bộ Giao thông vận tải đã thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng cầu Đình Khao theo phương thức PPP⁽²²⁾. Tuy nhiên, hiện nay nguồn vốn đầu tư công bố trí xây dựng công trình trong giai đoạn 2021-2025 chưa cân đối được. **Vì vậy, tỉnh Bến Tre kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương cho phép đầu tư xây dựng cầu Đình Khao trên tuyến QL.57 theo hình thức PPP (hợp đồng BOT); và ưu tiên bổ sung danh mục, hỗ trợ nguồn vốn Trung ương là 1.600 tỷ đồng (khoảng 50% tổng mức đầu tư), phân bổ cho tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn 2022-2025, để đầu tư xây dựng công trình này.**

(ii) Dự án xây dựng cầu Tân Phú thay thế phà Tân Phú trên QL.57B: Nhằm tăng khả năng thông hành trên QL.57B, rút ngắn khoảng cách và thời gian di chuyển đi Vĩnh Long và Cần Thơ; đồng thời kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh (qua QL.57 và QL.57B, QL.60). Vì vậy, việc đầu tư xây dựng cầu Tân Phú trên QL.57B là cần thiết và phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. **Tỉnh Bến Tre kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương cho phép nghiên cứu, lập dự án đầu tư xây dựng cầu Tân Phú thay thế phà Tân Phú trên QL.57B bằng nguồn vốn Trung ương hỗ trợ.**

4. Hỗ trợ thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Bến Tre

Nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh và xây dựng Bến Tre trở thành trung tâm phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đào tạo nguồn nhân lực cho chuyển đổi số của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long, trở thành địa phương tiêu biểu về chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch và nông nghiệp, tỉnh Bến Tre **kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ đầu tư dự án thuộc Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Bến Tre từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, với tổng mức vốn 346 tỷ**

⁽²¹⁾ Tờ trình số 1974/TTr-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Bến Tre

⁽²²⁾ Thông báo số 77/TB-BGTVT ngày 01/3/2022 của Bộ Giao thông vận tải.

đồng.

5. Hỗ trợ bảo tồn di tích cấp quốc gia đặc biệt

Để tiếp tục bảo tồn, gìn giữ lâu dài di tích Quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh Bến Tre, kết nối di tích với các điểm di tích, di sản văn hóa và danh lam thắng cảnh nổi tiếng khu vực và cả nước làm nên một sản phẩm văn hoá - du lịch hoàn chỉnh nằm trong tuyến du lịch du lịch văn hóa tâm linh, khi khai thác và phát huy có hiệu quả theo hướng bền vững sẽ góp phần phát triển một cách bền vững kinh tế - xã hội ở địa phương. Tỉnh Bến Tre kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm, hỗ trợ nguồn vốn Trung ương đầu tư các công trình trong giai đoạn 2021-2025 là 200,61 tỷ đồng, cụ thể như sau:

(i) Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu, tổng mức đầu tư khoảng 100,8 tỷ đồng.

(ii) Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Đồng Khởi Bến Tre, với tổng mức đầu tư khoảng 99,81 tỷ đồng.

6. Hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19

Trong thời gian vừa qua, để tập trung tổ chức thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19, tỉnh đã chi mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị y tế phục vụ phòng chống dịch hơn 350 tỷ đồng và chi hỗ trợ cho người lao động không có giao kết hợp đồng (lao động tự do) và một số đối tượng khác (đối tượng thuộc nhóm 12 của Nghị quyết 68/NQ-CP được UBND tỉnh quy định cụ thể tại Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND) gần 240 tỷ đồng. Đây là các khoản chi theo quy định Trung ương do ngân sách địa phương tự cân đối 100%, Ngân sách Trung ương không hỗ trợ và không được chi từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh còn dư. Tuy nhiên, cả 02 khoản chi nêu trên vượt khả năng cân đối của ngân sách tỉnh. Vì vậy, tỉnh Bến Tre kiến nghị:

- Ngân sách Trung ương xem xét, hỗ trợ Bến Tre kinh phí mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị y tế phục vụ phòng chống dịch Covid-19 với số tiền là 350 tỷ đồng.

- Cho phép địa phương được sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của tỉnh, để chi hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác theo quy định của Nghị quyết 68/NQ-CP.

7. Việc thanh toán kinh phí thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2012/QĐ-TTg

Thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, UBND tỉnh Bến Tre đã xây dựng Đề án và phê duyệt tại Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2013 với tổng số hộ là 4.862 hộ (trong đó có 3.212 hộ xây mới, 1.650 hộ sửa chữa) để triển khai thực hiện.

Từ năm 2013-2015, Trung ương đã thực hiện hỗ trợ 1.754 hộ (trong đó hỗ trợ xây mới 1.364 hộ, hỗ trợ sửa chữa 390 hộ), còn lại trong đề án là 3.108 hộ. Từ năm 2016-2017, Trung ương không có phân bổ nguồn vốn hỗ trợ, trong khi đó nguồn ngân sách tỉnh còn hạn hẹp nên không có khả năng bố trí để thực hiện.

Trong số 3.108 căn nhà ở của người có công với cách mạng còn lại trong Đề án, thì đa phần những người này đã lớn tuổi và nhà ở qua nhiều năm sử dụng nên hư hỏng nặng, không còn chống chịu được với mưa nắng, đặc biệt có một số căn đã bị sập đổ vì nhà làm bằng gỗ tạm. Mặt khác, tỉnh Bến Tre cũng không xác định được lúc nào sẽ được Trung ương xem xét, phân bổ vốn để thực hiện. Vì vậy, để giải quyết bức xúc về nhà ở cho hộ người có công với cách mạng còn lại trong Đề án, tỉnh đã tập trung vận động thực hiện xong 2.020 căn (trong tổng số 3.108 căn).

Đầu năm 2018, tỉnh được Trung ương hỗ trợ 94,145 tỷ đồng để tiếp tục hỗ trợ 3.108 hộ còn lại. Qua rà soát lại, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2018 bổ sung vào Đề án là 2.020 hộ người có công với cách mạng đủ điều kiện theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ (xây mới 1.200 hộ; sửa chữa 820 hộ thay thế 2.020 hộ mà tỉnh đã vận động xây dựng từ năm 2016-2017) và đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính cho ý kiến thực hiện. Trong thời gian chờ ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương thì các huyện, thành phố đã tổ chức triển khai xây dựng, sửa chữa đối với 2.020 hộ bổ sung.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, UBND tỉnh Bến Tre có Tờ trình số 618/TTr-UBND trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận cho tỉnh Bến Tre được sử dụng nguồn kinh phí đã cấp năm 2018 để thanh toán 2.020 hộ với tổng kinh phí là 61.180 triệu đồng và đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý theo Thông báo số 264/TB-VPCP ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo kết luận Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Bến Tre. Trong đó tại Mục 19, Phần III có nêu “Về việc sử dụng số tiền 61,18 tỷ đồng đã cấp để thanh toán cho 2.020 căn nhà người có công: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với tỉnh Bến Tre

và các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, thẩm tra, điều chỉnh Danh sách đối tượng người có công với cách mạng được hỗ trợ về nhà ở theo đúng quy định, gửi Bộ Xây dựng tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý III năm 2020. Sau khi danh sách được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài chính xác định số kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo quy định, tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho tỉnh Bến Tre thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng”.

Thực hiện theo Thông báo 264/TB-VPCP ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ, ngày 09 tháng 9 năm 2020, UBND tỉnh Bến Tre có Tờ trình số 4632/TTr-UBND, trình Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội xem xét, thẩm tra danh sách đối tượng người có công với cách mạng được hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Sau đó, UBND tỉnh Bến Tre có Công văn 6140/UBND-KGVX ngày 17 tháng 11 năm 2020 gửi Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội báo cáo bổ sung nội dung Tờ trình số 4632/TTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2020.

Trong điều kiện ngân sách hiện nay của tỉnh còn nhiều khó khăn, chưa cân đối và vận động được nguồn để thực hiện được việc hỗ trợ cho người có công với cách mạng để xây dựng và sửa chữa nhà ở. ***Tỉnh kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho tỉnh Bến Tre được sử dụng nguồn kinh phí đã cấp theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg để hỗ trợ cho các hộ người có công khó khăn về nhà ở đã bổ sung vào Đề án.***

8. Việc xây dựng Đề án phát triển Trung tâm Dừa Đồng Gò, Bến Tre

Ngày 30/7/2020, Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 264/TB-VPCP về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Bến Tre. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý về chủ trương chuyển giao Trung tâm dừa Đồng Gò về tỉnh Bến Tre và giao Bộ Công Thương trình phương án xử lý dứt điểm trong tháng 8/2020. Căn cứ công văn số 1162/BCT-KH ngày 03/3/2021 của Bộ Công Thương về trả lời kiến nghị của tỉnh Bến Tre tại Hội nghị trực tuyến Chính phủ với các địa phương. Trong đó, đề nghị UBND tỉnh Bến Tre xây dựng Đề án phát triển Trung tâm dừa Đồng Gò theo hướng trở thành Trung tâm nghiên cứu, phát triển dừa mang tầm quốc gia về nghiên cứu, bảo tồn, phát triển giống dừa chất lượng cao trực thuộc tỉnh. Thực hiện công văn này, UBND tỉnh Bến Tre đã chỉ đạo Sở Công Thương nghiên cứu, khảo sát, tham mưu xây dựng Đề án. Trên cơ sở đó, Sở Công Thương đã trao đổi, đề nghị Viện nghiên cứu Dầu và Cây có dầu hỗ trợ xây dựng Đề án, cụ thể là được kế thừa Dự thảo Đề án phát triển Trung tâm dừa

Đồng Gò do Viện đang xây dựng. Tuy nhiên, để chuyển giao Dự thảo Đề án của Viện cho tỉnh Bến Tre theo đề nghị thì phải được sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Nội dung này, UBND tỉnh Bến Tre đã có buổi làm việc với Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, chỉ đạo Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu chuyển giao Dự thảo “*Đề án phát triển Trung tâm Dừa Đồng Gò - Bến Tre*”. **Tỉnh Bến Tre kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo để sớm chuyển giao Trung tâm dừa Đồng Gò về cho tỉnh Bến Tre quản lý.**

9. Bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia; chính sách giá mới cho các dự án điện gió

(i) Thời gian qua, tỉnh Bến Tre đã được phê duyệt 1.007,7MW điện gió. Trong đó, đã vận hành hoà lưới được 93,05MW; lắp đặt hoàn thành nhưng chưa được hoà lưới hơn 185MW; số còn lại đang thực hiện các bước để triển khai xây dựng. Với tiềm năng và lợi thế sẵn có, tỉnh Bến Tre xác định phát triển điện gió sẽ là một động lực quan trọng, cùng với tuyến đường ven biển sẽ thúc đẩy phát triển mạnh mẽ nền kinh tế địa phương trong thời gian tới. Đến thời điểm hiện tại, tỉnh Bến Tre đã trình Bộ Công Thương, Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt đưa vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 tổng cộng 27 dự án, với quy mô công suất 11.618,6MW.

Trong bối cảnh phát triển tổng công suất nguồn điện có hạn, nhất là ở khu vực phía Nam, **tỉnh Bến Tre kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, phân bổ cho tỉnh giai đoạn 2022-2025 thêm 1.500 MW và giai đoạn 2025-2030 thêm 4.500MW điện gió, trong Tổng sơ đồ điện VIII**, nhằm tạo bước đột phá trong phát triển năng lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

(ii) Để tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai thực hiện các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ **sớm ban hành cơ chế hoặc chính sách giá mới cho các dự án điện gió phát triển sau ngày 01/11/2021** để các chủ đầu tư có thông số đầu vào để đánh giá hiệu quả đầu tư dự án, có kế hoạch bố trí tài chính thực hiện dự án.

10. Về quy hoạch, kế hoạch và chỉ tiêu sử dụng đất

(i) Về đất rừng

Cuối năm 2020, UBND tỉnh đã có báo cáo với Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020

và đề xuất nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030⁽²³⁾. Trong đó, tỉnh đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 đối với đất rừng phòng hộ là 6.097 ha và không còn diện tích đất rừng đặc dụng (*chuyển toàn bộ 2.413 ha diện tích đất rừng đặc dụng hiện có sang rừng phòng hộ*)⁽²⁴⁾. Tuy nhiên, theo chỉ tiêu phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025. Trong đó, tỉnh Bến Tre được phân bổ diện tích đất rừng phòng hộ là 6.097 ha; đồng thời vẫn giữ nguyên diện tích đất rừng đặc dụng là 2.413 ha.

Qua rà soát hiện trạng đất rừng và quỹ đất của tỉnh, không còn quỹ đất để bố trí diện tích 6.097 ha đất rừng phòng hộ và 2.413 ha đất rừng đặc dụng như chỉ tiêu phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg. ***Do đó, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh chỉ tiêu phân khai Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre, đối với đất rừng phòng hộ là 6.097 ha và không còn diện tích đất rừng đặc dụng.***

(ii) Về đất khu công nghiệp

Theo chỉ tiêu phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025. Trong đó, tỉnh Bến Tre được phân bổ diện tích đất khu công nghiệp trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 1.372 ha, Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 là 361 ha.

Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, thống kê đất đai năm 2020, diện tích đất khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre ***thực tế là 238 ha*** (02 Khu công nghiệp Giao Long và An Hiệp, huyện Châu Thành). Ngoài ra, hiện nay tỉnh Bến Tre đang thực hiện đầu tư²⁵, đã hoàn thành giải phóng mặt bằng trên 90% diện tích đối với Khu Công nghiệp Phú Thuận, huyện Bình Đại (tổng diện tích là 232 ha); đồng thời, để mời gọi đầu tư, phát triển kinh tế biển, tỉnh đang rà soát lại các khu công nghiệp và đề xuất bổ sung Khu Công nghiệp An Nhơn vào quy hoạch của tỉnh, với diện tích khoảng 230 ha.

Từ thực tế nêu trên, ***kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu phân khai Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 trên***

⁽²³⁾ Báo cáo số 600/BC-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Bến Tre.

⁽²⁴⁾ Do khu rừng Thạnh Phú hiện nay chưa đáp ứng đủ các tiêu chí của một khu rừng đặc dụng.

⁽²⁵⁾ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 04/10/2017.

địa bàn tỉnh Bến Tre, đối với đất khu công nghiệp là 700 ha, để cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất 05 năm tỉnh Bến Tre, nhằm đảm bảo đủ điều kiện giao, cho thuê đất đối với Khu Công nghiệp Phú Thuận (232 ha), mời gọi đầu tư đối với Khu Công nghiệp An Nhơn (230 ha).

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và một số đề xuất, kiến nghị góp phần phát triển tỉnh Bến Tre và vùng đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới, UBND tỉnh Bến Tre kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (kính báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Phòng: TH, TCĐT, KT, KGVX;
- Lưu: VT, LChau.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Tam